

Bản án số: 72/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 07-12-2017

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con và cấp dưỡng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Tô Hoàng Vũ.

Bà: Quang Kim Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Vinh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 07 tháng 12 năm 2017 tại phòng xử án trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 307/2017/TLST-HNGĐ, ngày 19/10/2017 “V/v Ly hôn tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 15 tháng 11 năm 2017; giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Thị Mỹ H - *Sinh năm:* 1990 (có mặt);

Địa chỉ: ấp NT, xã TB, huyện TĐ, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Nguyễn Ngọc C - *Sinh năm:* 1978 (có mặt);

Địa chỉ: 23/2, ấp TM1, xã VT, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31/7/2017, các lần hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn Lê Thị Mỹ H trình bày:

Vào 2011 Lê Thị Mỹ H và Nguyễn Ngọc C tự nguyện sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 06/7/2016 tại UBND xã TB, huyện TĐ, tỉnh Sóc Trăng. Quá trình sống chung đến tháng 2 năm 2017 vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm thường hay cãi vã, anh C thường xuyên đánh đập, chửi bới, nhục mạ, xé quần áo của chị H. Từ tháng 2 năm 2017 chị H và anh C ly thân, chị H về nhà cha mẹ ruột sống cho đến nay. Lê Thị Mỹ H thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không thể tiếp tục kéo dài, chị yêu cầu ly hôn với Nguyễn Ngọc C. Về con chung, vợ chồng có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc

N, sinh ngày 01/5/2012, hiện nay đang sống với Nguyễn Ngọc C; Lê Thị Mỹ H đồng ý giao Nguyễn Thị Ngọc N cho Nguyễn Ngọc C nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản và nợ chung Lê Thị Mỹ H không yêu cầu giải quyết.

Tờ trình ngày 04/11/2017, các lần hòa giải và tại phiên tòa bị đơn Nguyễn Ngọc C trình bày: Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã TB, huyện TĐ, tỉnh Sóc Trăng, ngày 06/7/2016. Trong thời gian vợ chồng sống chung vợ chồng cũng có cự cãi với nhau, anh C cũng có lần đánh chị H, vợ chồng ly thân từ tháng 02/2017, nhưng mâu thuẫn vợ chồng là chưa trầm trọng, anh C không đồng ý ly hôn. Về con chung anh C đồng ý tiếp tục nuôi Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 01/5/2012 và yêu cầu Lê Thị Mỹ H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ bản, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2017 cho đến khi Nguyễn Thị Ngọc N đủ 18 tuổi. Về tài sản và nợ chung Nguyễn Ngọc C không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Lê Thị Mỹ H và Nguyễn Ngọc C có đăng ký kết hôn ngày 06/7/2016 theo quy định, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Trong quá trình sống chung có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, anh C có lần đánh chị H; tháng 02/2017 chị H và anh C ly thân cho đến nay, không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn. Mặc dù, Tòa án đã kiên trì hòa giải nhưng Lê Thị Mỹ H vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với Nguyễn Ngọc C, hôn nhân mâu thuẫn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không thể đạt được, cho nên việc Lê Thị Mỹ H yêu cầu ly hôn là thỏa mãn các điều kiện theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của Lê Thị Mỹ H là có căn cứ.

[2] Về con chung: Hiện nay Nguyễn Ngọc C đang trực tiếp nuôi Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 01/5/2012; Lê Thị Mỹ H đồng ý giao Nguyễn Thị Ngọc N cho Nguyễn Ngọc C nuôi dưỡng, sự thỏa thuận này là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về cấp dưỡng: Nguyễn Ngọc C yêu cầu Lê Thị Mỹ H cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ bản do Nhà nước qui định, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2017. Lê Thị Mỹ H không trực tiếp nuôi con thì phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là đúng theo Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình, Nguyễn Ngọc C có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh C.

[4] Về tài sản và nợ chung: Lê Thị Mỹ H và Nguyễn Ngọc C không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn Lê Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Lê Thị Mỹ H được ly hôn với Nguyễn Ngọc C.

2. Về con chung và cấp dưỡng: Nguyễn Ngọc C được quyền tiếp tục nuôi con là Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 01/5/2012; Lê Thị Mỹ H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cơ bản do Nhà nước qui định, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 12/2017 cho đến khi Nguyễn Thị Ngọc N đủ 18 tuổi.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: Lê Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 600.000đ (trong đó án phí ly hôn 300.000đ và 300.000đ án phí phần cấp dưỡng). Được khấu trừ 300.000 đồng mà chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 00736, ngày 19/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp; như vậy Lê Thị Mỹ H còn phải nộp án phí thêm là 300.000đ.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/12/2017).

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh DT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

(Đã ký)

Nguyễn Văn Út